

ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG TỪ 1975 ĐẾN 1985 GÓP PHẦN VÀO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Hoàng Ngọc Kiên
Trường Đại học Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1975–1985 trong bối cảnh trong nước và quốc tế đầy biến động. Sau đại thắng mùa xuân 1975, Việt Nam bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải đối diện với hậu quả nặng nề của chiến tranh, khó khăn về kinh tế và sự bao vây, cấm vận của phương Tây. Trên cơ sở tư tưởng đối ngoại của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã hoạch định đường lối đối ngoại nhằm củng cố quan hệ đoàn kết với Lào và Campuchia, tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời từng bước khẳng định vị thế quốc tế của Việt Nam. Bên cạnh những thành tựu quan trọng, đường lối này cũng bộc lộ hạn chế do phạm vi quan hệ đối ngoại còn bó hẹp và tác động từ các cuộc xung đột biên giới. Tuy nhiên, trong tổng thể, đường lối đối ngoại giai đoạn 1975–1985 đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình, tranh thủ nguồn lực quốc tế và khẳng định đối ngoại là bộ phận hữu cơ của đường lối xây dựng CNXH ở Việt Nam. Bài viết đồng thời rút ra những ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm có giá trị cho sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Đường lối đối ngoại; Đảng Cộng sản Việt Nam; 1975–1985; Chiến tranh Lạnh; xây dựng chủ nghĩa xã hội; quan hệ quốc tế; bài học kinh nghiệm.

THE FOREIGN POLICY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM FROM 1975 TO 1985 AND ITS CONTRIBUTION TO THE BUILDING OF SOCIALISM IN VIETNAM

Hoang Ngoc Kien
Ho Chi Minh City University of Industry and Trade

Abstract: This article focuses on analyzing the foreign policy of the Communist Party of Vietnam during the period 1975–1985 amid a volatile domestic and international context. Following the great victory of the Spring 1975 Offensive, Vietnam entered the stage of socialist construction while facing severe war consequences, economic hardships, and the Western embargo and blockade. Grounded in the Marxist-Leninist foreign policy doctrine and Ho Chi Minh's thought, the Party formulated a foreign policy line aimed at consolidating solidarity with Laos and Cambodia, strengthening comprehensive cooperation with the Soviet Union and other socialist countries, while gradually affirming Vietnam's international standing. Alongside significant achievements, this policy also revealed limitations due to its narrow scope of external relations and the impact of border conflicts. Nevertheless, overall, the foreign policy of the 1975–1985 period contributed to maintaining a peaceful environment, mobilizing international resources, and affirming foreign relations as an organic component of the socialist construction line in Vietnam. The article also draws out historical significance and valuable lessons for the current cause of renovation and international integration.

Keywords: Foreign policy; Communist Party of Vietnam; 1975–1985; Cold War; socialist construction; international relations; lessons learned.

Nhận bài: 18/08/2025

Phản biện: 21/09/2025

Duyệt đăng: 26/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau thắng lợi lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mùa xuân năm 1975, đất nước ta hoàn toàn thống nhất, bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh đó, cả nước đứng trước những nhiệm vụ chiến lược: khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân và từng bước xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam [BCHTW], 2005). Trước những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực và thế giới, nhất là sự bao vây, cấm vận và đối đầu chiến lược trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, đường lối đối ngoại của Đảng có vai trò đặc biệt quan trọng: vừa đảm bảo an ninh, giữ vững thành quả cách mạng, vừa tranh

thủ sự ủng hộ và hợp tác quốc tế để phát triển đất nước (BCHTW, 2006). Như Đại hội V của Đảng đã nhấn mạnh, “công tác đối ngoại là một mặt trận quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1982, tr. 123).

Trên cơ sở đó, nghiên cứu về đường lối đối ngoại của Đảng giai đoạn 1975–1985 không chỉ góp phần làm rõ quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại trong điều kiện đất nước mới thống nhất, mà còn giúp đánh giá những đóng góp thiết thực của đối ngoại đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của nghiên cứu này được đặt trên nền tảng Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng

Hồ Chí Minh về đối ngoại. Đảng ta khẳng định “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại” là nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt trong quan hệ quốc tế (Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN], 1987, tr. 45). Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đối ngoại luôn hướng tới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển, đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ của dân tộc (Hồ Chí Minh, 2011). Những quan điểm nền tảng này đã định hình phương hướng đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn sau năm 1975, tạo cơ sở lý luận vững chắc cho việc hoạch định chính sách và triển khai thực tiễn.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết vận dụng tổng hợp các phương pháp khoa học xã hội - nhân văn phù hợp với lĩnh vực lịch sử - chính trị. Phương pháp lịch sử được sử dụng nhằm tái hiện bối cảnh, sự kiện và tiến trình đường lối đối ngoại của Đảng giai đoạn 1975 -1985. Phương pháp phân tích – tổng hợp giúp hệ thống hóa tư liệu, rút ra đặc điểm và bản chất của đường lối đối ngoại. Phương pháp so sánh được dùng để đối chiếu giữa chủ trương của Đảng với tình hình quốc tế, từ đó làm rõ tính phù hợp và hiệu quả. Cuối cùng, phương pháp logic hỗ trợ trong việc lý giải mối quan hệ biện chứng giữa đường lối đối ngoại và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.2. Nội dung chính

2.2.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế giai đoạn 1975–1985

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, Việt Nam bước vào một giai đoạn lịch sử mới với nhiều thời cơ và thách thức. Trên bình diện quốc tế, thế giới vẫn nằm trong cục diện hai cực với sự đối đầu căng thẳng giữa Liên Xô và Hoa Kỳ trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Sự phân hóa sâu sắc về ý thức hệ và cạnh tranh chiến lược toàn cầu khiến môi trường quốc tế tiềm ẩn nhiều bất ổn, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á – nơi Việt Nam vừa thoát khỏi chiến tranh (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam [BCHTW], 2006).

Trong nước, những khó khăn hậu chiến đặt ra thách thức to lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đất nước vừa trải qua chiến tranh kéo dài, cơ sở hạ tầng bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế chủ yếu mang tính tự cấp tự túc, đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn. Bên cạnh đó, Việt Nam phải đối mặt với chính sách bao vây, cấm vận về kinh tế, thương mại và khoa học – kỹ thuật từ các thế lực thù địch, đặc biệt là Hoa Kỳ và các nước phương Tây (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1982). Đại hội V của Đảng chỉ rõ: “Chúng ta phải ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, vượt qua tình trạng bị bao vây, cấm vận, từng bước đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng” (ĐCSVN, 1982, tr. 45).

Như vậy, bối cảnh trong nước và quốc tế giai đoạn 1975–1985 vừa mở ra cơ hội tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, vừa đặt ra thách thức gay gắt, buộc Đảng phải hoạch định đường lối đối ngoại phù hợp nhằm bảo vệ thành quả cách mạng và phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.2.2. Đường lối đối ngoại của Đảng (1975–1985)

Sau khi đất nước thống nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định công tác đối ngoại là một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội IV (1976) khẳng định nhiệm vụ đối ngoại là “ra sức củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô, với Lào và Campuchia, tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN], 1977, tr. 145). Đây được coi là định hướng chiến lược, vừa nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, vừa tranh thủ nguồn lực quốc tế cho phát triển đất nước.

Trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á tiềm ẩn nhiều bất ổn, đặc biệt sau sự kiện Khmer Đỏ xâm lấn biên giới Tây Nam và chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979, Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu giữ vững độc lập, chủ quyền, đồng thời củng cố liên minh đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia. Văn kiện Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (1979) nêu rõ: “Phải kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vừa giữ vững độc lập, tự chủ, vừa tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế để vượt qua khó khăn” (BCHTW, 2007, tr. 212).

Đại hội V (1982) một lần nữa khẳng định đối ngoại là “mặt trận quan trọng của cách mạng Việt Nam”, với phương châm kiên trì hòa bình, độc lập, hữu nghị, đồng thời đấu tranh chống mọi âm mưu bao vây, cấm vận (ĐCSVN, 1982, tr. 123). Như vậy, trong giai đoạn 1975–1985, đường lối đối ngoại của Đảng tập trung vào ba định hướng chính:

Củng cố và phát triển quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia.

Tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Kiên quyết đấu tranh chống bao vây, cấm vận, đồng thời mở rộng quan hệ với các nước khác trên nguyên tắc hòa bình, cùng tồn tại và tôn trọng lẫn nhau.

Đường lối đối ngoại này đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững ổn định chính trị – an ninh quốc gia, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.2.3. Thành tựu đạt được

Trong giai đoạn 1975–1985, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn cả trong nước và quốc

tế, đường lối đối ngoại của Đảng đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần giữ vững môi trường hòa bình và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất, quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia tiếp tục được củng cố, trở thành một trong những trụ cột của chính sách đối ngoại. Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam – Lào (1977) và Hiệp ước Hòa bình, Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam – Campuchia (1979) khẳng định rõ quan hệ đặc biệt, cùng chung tay bảo vệ thành quả cách mạng và giữ gìn hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Dương (Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN], 2000, tr. 312).

Thứ hai, Việt Nam đã tăng cường hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế – kỹ thuật. Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác toàn diện Việt Nam – Liên Xô (1978) là cơ sở pháp lý quan trọng để Liên Xô viện trợ nhiều dự án kinh tế lớn, như thủy điện Hòa Bình, nhà máy nhiệt điện Phả Lại, cảng Hải Phòng, qua đó góp phần xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (Bộ Ngoại giao, 2015, tr. 228).

Thứ ba, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, kiên định nguyên tắc hòa bình và hợp tác hữu nghị đã giúp nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam. Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) năm 1978, đồng thời được nhiều phong trào tiến bộ, lực lượng cánh tả và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới ủng hộ mạnh mẽ (ĐCSVN, 1982, tr. 124). Đây là những thành tựu quan trọng, tạo nền tảng cho chính sách đối ngoại đổi mới sau năm 1986.

2.2.4. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu quan trọng, đường lối đối ngoại của Đảng giai đoạn 1975–1985 cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định.

Trước hết, quan hệ quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ này còn bó hẹp, chủ yếu dựa vào Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, trong khi chưa mở rộng được quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia khác, đặc biệt là các nước phương Tây và khu vực Đông Nam Á. Văn kiện Đại hội V của Đảng (1982) đã thừa nhận yêu cầu phải từng bước mở rộng quan hệ đối ngoại trên tinh thần đa dạng hóa, song thực tế vẫn chịu nhiều ràng buộc từ bối cảnh quốc tế (Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN], 1982, tr. 97).

Thứ hai, Việt Nam tiếp tục bị Mỹ và phương Tây áp đặt chính sách bao vây, cấm vận kéo dài. Chính sách này không chỉ gây khó khăn trong việc mở rộng hợp tác kinh tế – thương mại mà còn hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn, công nghệ và thị trường quốc tế, khiến tiến trình phát triển đất nước gặp nhiều trở ngại (Bộ Ngoại giao, 2015, tr. 246).

Thứ ba, tác động từ các cuộc xung đột biên giới Tây Nam (1978–1979) và biên giới phía Bắc (1979) đã tạo ra sức ép lớn về an ninh – quốc phòng, đồng thời ảnh hưởng đến hình ảnh quốc tế của Việt Nam. Những cuộc chiến tranh này không chỉ tiêu tốn nguồn lực to lớn mà còn làm trầm trọng thêm tình trạng cô lập về ngoại giao của Việt Nam trên trường quốc tế (ĐCSVN, 2000, tr. 315).

Nguyên nhân của những hạn chế trên xuất phát từ cả bối cảnh khách quan và chủ quan: một mặt, Việt Nam phải đối diện với sự chi phối của Chiến tranh Lạnh và các chiến lược đối đầu của các cường quốc; mặt khác, nhận thức và phương thức triển khai đối ngoại trong giai đoạn này vẫn mang tính khép kín, nặng về ý thức hệ, chưa bắt kịp xu thế quốc tế hóa và toàn cầu hóa đang hình thành.

2.2.5. Góp phần vào công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam

Đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn 1975–1985 không chỉ mang ý nghĩa bảo vệ an ninh quốc gia, mà còn trực tiếp góp phần vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Việt Nam.

Trước hết, việc kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình và bảo vệ thành quả cách mạng. Quan điểm “ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc” được khẳng định trong Văn kiện Đại hội V (Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN], 1982, tr. 87), cho thấy đối ngoại là một công cụ quan trọng để duy trì ổn định trong nước và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng CNXH.

Thứ hai, đường lối đối ngoại đã tạo điều kiện để Việt Nam tranh thủ nguồn lực từ các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô, trong nhiều lĩnh vực trọng yếu. Nhiều dự án lớn về công nghiệp, nông nghiệp, giáo dục, quốc phòng và khoa học – kỹ thuật được triển khai với sự hỗ trợ của Liên Xô và các nước bạn, góp phần hình thành cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu của CNXH (Bộ Ngoại giao, 2015, tr. 231).

Cuối cùng, quá trình thực hiện đường lối đối ngoại giai đoạn này đã khẳng định đối ngoại là một bộ phận hữu cơ, không tách rời của đường lối xây dựng CNXH ở Việt Nam. Văn kiện Đảng nhấn mạnh: “Đường lối đối ngoại của ta nhằm phục vụ trực tiếp sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” (ĐCSVN, 2000, tr. 298). Điều này cho thấy đối ngoại vừa là phương tiện, vừa là điều kiện để thực hiện thắng lợi đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

2.3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm

Đường lối đối ngoại của Đảng trong giai đoạn 1975–1985 để lại những ý nghĩa lịch sử quan

trọng, góp phần khẳng định vai trò to lớn của công tác đối ngoại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước hết, đối ngoại đã trở thành công cụ chiến lược, vừa bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vừa tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp phát triển đất nước. Quan điểm “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại” được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội V (Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN], 1982, tr. 92), cho thấy đối ngoại không chỉ là hoạt động đối phó tình thế mà còn là một bộ phận cấu thành của chiến lược phát triển quốc gia.

Từ thực tiễn giai đoạn 1975–1985, có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị bền vững. Trước hết, cần kiên định nguyên tắc giữ vững độc lập, tự chủ trong mọi tình huống, đồng thời biết tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác quốc tế để phục vụ lợi ích dân tộc. Bên cạnh đó, đường lối đối ngoại phải gắn chặt với yêu cầu hội nhập, mở rộng quan hệ quốc tế trên cơ sở đa dạng hóa, đa phương hóa, tránh tình trạng khép kín và lệ thuộc. Những định hướng này đã được Đảng khẳng định và kế thừa trong công cuộc đổi mới từ năm 1986, trở thành nền tảng cho chính sách đối ngoại “độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển” (ĐCSVN, 1991, tr. 134).

Như vậy, ý nghĩa lớn nhất của đường lối đối ngoại giai đoạn 1975–1985 là đặt nền móng cho sự chuyển biến tư duy đối ngoại của Đảng trong thời kỳ đổi mới, đồng thời để lại những bài học kinh nghiệm quý báu về sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, về giữ vững độc lập – tự chủ gắn với hội nhập quốc tế, những giá trị vẫn còn nguyên tính thời sự cho đến ngày nay.

III. KẾT LUẬN

Giai đoạn 1975–1985 là thời kỳ đặc biệt trong lịch sử đối ngoại của Việt Nam. Trong bối cảnh

quốc tế đầy biến động của Chiến tranh Lạnh và những khó khăn chồng chất sau chiến tranh, Đảng đã hoạch định và triển khai đường lối đối ngoại vừa nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, vừa tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặc dù còn những hạn chế nhất định, song đường lối đối ngoại thời kỳ này đã khẳng định vai trò quan trọng trong việc củng cố quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình ở khu vực, nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam và tạo nền tảng cho sự nghiệp đổi mới sau năm 1986 (Đảng Cộng sản Việt Nam [ĐCSVN], 1982).

Những đóng góp này cho thấy, đối ngoại không chỉ là “mặt trận” để bảo vệ Tổ quốc, mà còn là động lực trực tiếp thúc đẩy sự nghiệp xây dựng CNXH. Việc tranh thủ viện trợ từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã giúp Việt Nam bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, đồng thời khẳng định vị trí chính trị – ngoại giao trên trường quốc tế (Bộ Ngoại giao, 2015).

Từ góc nhìn hiện nay, giá trị thực tiễn của đường lối đối ngoại giai đoạn 1975–1985 vẫn còn nguyên ý nghĩa. Đặc biệt, trong bối cảnh đất nước đang tiếp tục cải cách tổ chức và vận hành bộ máy chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, công tác đối ngoại ngày càng có sự đổi mới mạnh mẽ. Chính sách “đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế” và phương châm “là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” (ĐCSVN, 2016, tr. 146) đã cho thấy sự kế thừa và phát triển tư duy đối ngoại từ những nền tảng của giai đoạn 1975–1985. Công tác đối ngoại địa phương hiện nay không chỉ góp phần mở rộng hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa, mà còn tạo động lực cho phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng, phù hợp với yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2005). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 36 (1975–1976)*. NXB Chính trị quốc gia. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap>.
- [2]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37 (1977–1978)*. NXB Chính trị quốc gia. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap>.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1982). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*. NXB Sự thật. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-v/dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-v-cua-dang-21>.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1987). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. NXB Sự thật. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/nghe-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vi-cua-dang-1493>.
- [5]. Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập, tập 12*. NXB Chính trị quốc gia – Sự thật. <https://hochiminh.vn/book/tac-pham-cua-ho-chi-minh/ho-chi-minh-toan-tap/ho-chi-minh-toan-tap-tap-12-279>.
- [6]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37 (1977–1978)*. NXB Chính trị quốc gia. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap>.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. NXB Chính trị quốc gia. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vii/nghe-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-vii-dang-cong-san-viet-nam-1487>.
- [8]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2007). *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 38 (1979–1980)*. NXB Chính trị quốc gia. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap>.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1977). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. NXB Sự thật. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iv/dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-iv-cua-dang-22>.
- [10]. Bộ Ngoại giao. (2015). *Biên niên sự kiện ngoại giao Việt Nam 1945–2010*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật. <https://text.123docz.com/document/7613255-ngoai-giao-viet-nam-1945-2000-tai-ban-lan-thu-2.htm>.